

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2022/QĐST-HGND, ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn T; nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại thôn 11, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh T còn chơi bời, cờ bạc dẫn đến phá tán tài sản, nhiều lần cầm cố xe, bán trả nợ cờ bạc nhưng anh T vẫn không cải sửa làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng khó khăn. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Đào Duy K, sinh ngày 04/9/2007 và Đào Duy M, sinh ngày 01/9/2010. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H, anh Đào Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận việc kết hôn vào thời gian, địa điểm như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau. Tuy nhiên, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là nhỏ nhặt, nên chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý và mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Duy K, sinh ngày 04/9/2007 và Đào Duy M, sinh ngày 01/9/2010. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Anh Đào Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác M, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Đào Văn T; Về con chung: Giao cả hai con chung là Đào Duy K, sinh ngày 04/9/2007 và Đào Duy M, sinh ngày 01/9/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Bùi Thu H vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Đào Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thu H và anh Đào Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01, ngày 29 tháng 01 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị H và anh T chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Do vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, căng thẳng nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Bị đơn anh Đào Văn T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt, tuy có nguyện vọng để vợ chồng về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn nhưng việc anh T vắng mặt tại các phiên hòa giải,

chứng tỏ anh T không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Đào Văn T.

[3] Về con chung

Chị H và anh T có 02 con chung tên Đào Duy K, sinh ngày 04/9/2007 và Đào Duy M, sinh ngày 01/9/2010. Bị đơn Anh Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về việc nuôi con chung gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, mặt khác cả hai con con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ và chị H đề nghị được nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H trình bày đề chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau và quá trình giải quyết vụ án hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung

Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Đào Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung tên Đào Duy K, sinh ngày 04/9/2007 và Đào Duy M, sinh ngày 01/9/2010, cho chị Bùi Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thu H và anh Đào Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thu H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007741, ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Bùi Thu H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã H, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã M Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

